TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2021/HS-ST
Ngày: 13/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Học
2. Bà Mã Thị Huệ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Văn Noọng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 130/2021/ TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXXST- HS ngày 30/11/2021 đối với bị cáo:

Phan Linh T, Giới tính : Nam ; Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1998 tại xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng ; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở : xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc : Nùng ; Tôn giáo : Không ; Nghề nghiệp : Trồng trọt ; Trình độ học vấn : 8/12 ; Con ông : Phan Văn T (Đã chết); Con bà: Hoàng Thị N, Sinh năm : 1975; Nghề nghiệp : Trồng trọt ; Trú tại : xóm L, xã L, huyện T, Cao Bằng; Anh chị em ruột : Gia đình có 2 anh em , bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự ngày 08/7/2021 bị Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản . Bị cáo đang bị tạm giữ, giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 07/9/2021. Có mặt.

- Bị hại:

1. Triệu Thị N – Sinh năm 1975
Trú tại: Xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
2. Triệu Văn T - Sinh năm 1994
Trú tại: Xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Nguyễn Thị Thu T – Sinh năm 1976.
Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
- *Người làm chứng:*
1. Phan Văn M – Sinh năm 1999
Địa chỉ: Xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt;

2. Hoàng Đức G – Sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/9/2021 , Công an xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng nhận được đơn trình báo của chị Triệu Thị , sinh năm 1975 và anh Triệu Văn T, sinh năm 1994 cùng trú tại xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng về việc : Chị N bị mất 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh đen , anh T bị mất 01 (một) điện thoại di động , nhãn hiệu Realme 3 màu xanh .

Quá trình điều tra , Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh , tỉnh Cao Bằng xác định đối tượng thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp trên là Phan Linh T, sinh ngày 19/5/1998, trú tại xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng . Tại Cơ quan điều tra , Phan Linh T khai nhận : Do không có công việc ổn định , bản thân mắc nghiện ma túy , hàng ngày cần phải có số tiền để mua ma túy về sử dụng , lợi dụng sở hở của hàng xóm , T đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp sau :

Vụ thứ nhất : Khoảng 12 giờ ngày 30/8/2021, T gặp vợ, chồng chị Triệu Thị N ở rạp đám ma, biết không có ai ở nhà , T một mình đi bộ đến nhà của chị N là người cùng xóm . Mục đích đến nhà trộm cắp tài sản . Khi đến nơi thấy nhà (nhà sàn) đã khóa cửa trước nên T vòng từ cửa chuồng trâu ở dưới gầm sàn để đi lên nhà chính . Khi vào trong nhà , thấy trên giường ngủ ngay giữa nhà có 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, T cầm lấy đút vào túi quần, rồi đi ra theo lối vào. Về đến nhà, T tháo sim điện thoại của chị N có số thuê bao 0368.484.463 ra, lắp sim vào máy điện thoại NOKIA của Trọng để sử dụng. Đến ngày 02/9/2021 , T gọi điện cho Phan Văn M, sinh 1999 , trú tại xóm P, xã Đ, huyện T cùng T mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại A tại 6 , thị trấn T, huyện T cầm cố với anh Hoàng Đức G, sinh năm 1989 tại tổ dân phố 06 , thị trấn T, huyện T được 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) . Số tiền có được , T và M đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Đến ngày 03/9/2021 , T đến gặp anh G lấy thêm 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) từ **c**hiếc điện thoại trên. Do không có tiền chuộc điện thoại , đến ngày 05/9/2021 , T gặp anh G để bán chiếc điện thoại trên được 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) . Tổng số tiền bán chiếc điện thoại di động của chị N được 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) . Toàn bộ số tiền này T mang đi mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cá nhân hết .

Vụ thứ hai : Khoảng 10 giờ ngày 31/8/2021, T theo dõi thấy gia đình anh Triệu Văn T, sinh năm 1994 là người cùng xóm thường xuyên đi vắng , không có ai ở nhà . T một mình lẻn vào nhà theo lỗi cửa sau nhà , đến thẳng buồng ngủ của anh T. Thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 đang sạc pin ở trên giường , T cầm lấy cho vào túi quần và đi ra theo đường đã vào . Khoảng 12 giờ cùng ngày , T gọi điện cho Phan Văn M đến nhà đón T mang chiếc điện thoại trộm được đến cửa hàng điện thoại di động Đ bán được 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) . Số tiền có được T đi mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cá nhân hết .

Ngày 08/9/2021 , Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh ra văn bản yêu cầu định giá tài sản . Tại kết luận định giá tài sản số 40/KL - HĐĐGTS ngày 17/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận , giá trị tại thời điểm trộm cắp của chiếc điện thoại di động , nhãn hiệu Realme 3 có trị giá 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) ; Chiếc điện thoại di động , nhãn hiệu OPPO F9 có trị giá 4.194.000 (bốn triệu một trăm chín tư nghìn đồng) .

Ngày 04/10/2021 , Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh ra văn bản yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 48 ngày 15/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh , tỉnh Cao Bằng kết luận 01 (một) thẻ sim có số thuê bao 0368.484.463 , đã qua sử dụng, tại thời điểm trộm cắp có giá trị 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Về các vật chứng thu giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 màu xanh , kèm theo 01 thẻ sim có số thuê bao 0365.681.538 cho anh Triệu Văn T; Trả lại 01 điện thoại di động nhãn F9 , màu đen - xám - xanh , kèm theo 02 thẻ sim có số thuê bao 0368.484.463 và 0358.249.694 cho chị Triệu Thị N là có căn cứ , đúng quy định của pháp luật . Anh T và Chị N không yêu cầu và đề nghị gì đối với Phan Linh T. Số vật chứng còn lại đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh ra quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) là tiền mua điện thoại chị Nguyễn Thị Thu T là chủ cửa hàng điện thoại Đ không yêu cầu lấy lại.

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng số: 132/CT-VKSTK ngày 16/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố. Tại phiên tòa bị cáo cho rằng Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không thay đổi lời khai và không khai thêm nội dung gì khác.

Trong bản luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phan Linh T phạm tội Trộm cắp tài sản; Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng xử: Tịch thu phát mại để sung công quỹ nhà nước 01 (môt) chiếc điện thoại di động Nokia N1280, màu đen, máy bấm bàn phím, số IMEI: 355862/01/638311/3 đã qua sử dụng.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có gì cần tranh luận với phần luận tội của Viện kiểm sát.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa và thể hiện ý kiến về phần trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; Về trách nhiệm hình sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài

sản. Nên không buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Phần nói lời sau cùng: Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, được hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các yếu tố cấu thành tội phạm:

Về mặt khách quan: Bị cáo Phan Linh T do nghiện ma túy, nên để có tiền sử dụng ma túy cho bản thân, bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản, với giá trị tài sản do bị cáo trộm cắp là 6.944.000đ (Sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Như vậy, có thể thấy rằng hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Về mặt chủ quan của tội phạm: Trong vụ án này, bị cáo nhận thức được việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và bị pháp luật trừng trị nhưng vì để thỏa mãn cơn nghiện ma túy của bản thân bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Về mặt khách thể: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân và làm gia tăng thêm tệ nạn xã hội tại địa phương.

Về mặt chủ thể: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội do mình gây ra.

Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội.

Từ những phân tích trên đây, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ hiểu biết, bị cáo ý thức được việc thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo đã bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích để có tiền mua ma túy thỏa mãn cơn nghiện ma túy của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Trường hợp này cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà bị cáo ham chơi, đua đòi lâm vào cảnh nghiện ma túy dẫn đến có hành vi phạm tội. Điều này cho thấy về ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt, nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc đến nhân thân của bị cáo mà đưa ra mức án tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong một thời gian ngắn bị cáo đã 2 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần thực hiện hành vi trộm cắp giá trị tài sản đều trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g (phạm tội hai lần trở lên) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Phan Linh T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Xử phạt bị cáo với mức án từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung;

Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị về hình phạt trên là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi bị cáo thực hiện nên cần chấp nhận.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại để sung công quỹ nhà nước 01 (môt) chiếc điện thoại di động Nokia N1280, màu đen, máy bấm bàn phím, số IMEI: 355862/01/638311/3 đã qua sử dụng. Vì liên quan đến hành vi phạm tội.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Phan Văn M đi cùng T cầm cố và bán điện thoại, M không biết chiếc điện thoại do T cầm cố và bán là tài sản do trộm cắp được . Quá trình giao dịch Hoàng Đức G là nhân viên của cửa hàng điện thoại di động Đ, khi mua 02 (hai)

chiếc điện thoại với T, G không biết nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có . Do đó , Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không đề nghị xử lý M và G là đúng quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phan Linh T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Phan Linh T mức án 13 (mười ba) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để tạm giữ (ngày 07/9/2021).

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại để sung công quỹ nhà nước 01 (môt) chiếc điện thoại di động Nokia N1280, màu đen, máy bấm bàn phím, số IMEI: 355862/01/638311/3 đã qua sử dụng.

Xác nhận vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/11/2021.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Phan Linh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Linh T, các bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L (bằng TB);
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Quốc Hùng